TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** *******	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** ----------

Bản án số: 05/2020/KDTM-ST
Ngày: 14/02/2020
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với Hội đồng xét xử gồm có:
Chủ toạ phiên toà - Thẩm phán: Bà **Nguyễn Hoài Phương**
Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Sỹ Long**
Bà **Đỗ Thị Trang Nhung**
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** - Kiểm sát viên
Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Quang Huy** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 08/TLST-KDTM ngày 24 tháng 04 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 406/2019/QĐXXST-KDTM ngày 10/12/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2019/QĐST-KDTM ngày 27/12/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2020/QĐST-KDTM ngày 14/01/2020, giữa:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần V (VBank).** Trụ sở: Số 89 phố L, phường L, quận Đ, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng theo văn bản uỷ quyền số 11/2018/UQ – HĐQT ngày 02/03/2018. Ông Phạm Tuấn A uỷ quyền cho:

1. bà Vũ Thị Oanh K

2. ông Nguyễn Ngọc T– Cán bộ xử lý nợ theo văn bản uỷ quyền số 6732/2018/UQ –VPB ngày 29/5/2018.

* Bị đơn: **Công ty TNHH Sản Xuất – XNK T**. Địa chỉ: Số 3, phố Q, phường Q, quận B, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Bình M – Giám đốc.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Hà Thị Minh H**, sinh năm: 1984.

2. Ông **Trần Bình M**, sinh năm: 1982.

Cùng đăng ký HKTT tại: Căn hộ 3808 – CT3 – Tổ hợp TMDV & Căn hộ The Pride – KĐT A, quận H, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ®¬n khëi kiÖn đề ngµy 19/03/2019 vµ c¸c lêi khai trong qu¸ tr×nh gi¶i quyÕt vô ¸n- nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V(gọi tắt Ngân hàng VBank) trình bày:

Ngày 23/01/2017, Ngân hàng VBank có ký với Công ty TNHH Sản xuất - XNK T (gọi tắt là Công ty T) Hợp đồng tín dụng số 200117-3337259-01-SME với tổng số tiền là 520.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán 01 xe ô tô Mazda 3 AT sedan. Lãi suất: theo từng khế ước. Phương thức cho vay: theo hạn mức tín dụng dự phòng.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng số 200117-3337259-01-SME, Ngân hàng VBank đã giải ngân cho Công ty T theo Khế ước nhận nợ số 200117-3337259-01-SME (LD 1702300803) ngày 23/01/2017 với tổng số tiền vay là: 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 23/01/2017 đến ngày 23/01/2022); Lãi suất cho vay trong hạn: 7.5%/năm; mức lãi suất này áp dụng cố định trong 12 tháng từ ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần kể từ ngày 23/01/2018, mức điều chỉnh bằng Lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của Bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh công (+) biên độ 5%/năm.

Thời hạn trả nợ:

+ Nợ gốc: Nợ gốc trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/02/2017, tổng cộng có 60 kỳ. Số tiền gốc bên vay phải trả mỗi kỳ là: 8.600.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả số tiền còn lại.

+ Nợ lãi: Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/1lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2017.

-Tài sản bảo đảm cho toàn bộ khoản vay nêu trên là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, BKS: 30E-905.38 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH SX-XNK T theo Giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô số 358934 do Công an Thành phố H cấp ngày 19/01/2017, xác lập thế chấp tại VBank theo Hợp đồng thế chấp số 200117-3337259-01-SME/TC ngày 23/01/2017.

* Ngày 14/06/2017, Ngân hàng VBank có ký với Công ty T Hợp đồng cho vay hạn mức số 1306177-3337259-01-SME với tổng số tiền là 948.500.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, thiết bị vật tư cầu và mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ống ghen. Lãi suất cho vay được quy định trong các khế ước.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng số 130617-3337259-01-SME, Ngân hàng VBank đã giải ngân cho Công ty T theo Khế ước nhận nợ:

+) Lần 1: Khế ước nhận nợ số 140617-3337259-01-SME (LD 1716501296) ngày 14/06/2017 với tổng số tiền vay là: 878.762.446 đồng; Lãi suất cho vay trong hạn: 21.4%/năm áp dụng tính lãi tại Hợp đồng với 1 năm là 360 ngày, mức lãi suất quy đổi trên cơ sở một năm 365 ngày là: 21,7%/năm; mức lãi suất này áp dụng cố định trong 1 tháng từ ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần

kể từ ngày 14/07/2017, mức điều chỉnh bằng Lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng (+) biên độ 14%/năm.

Thời hạn trả nợ:

+ Nợ gốc: Nợ gốc trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 10/07/2017, tổng cộng có 12 kỳ. Số tiền gốc bên vay phải trả mỗi kỳ là: 73.250.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 73.012.446 đồng.

+ Nợ lãi: Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/1lần vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 10/07/2017.

+) Lần 2: Khế ước nhận nợ số 210617-3337259-01-SME (LD 1717200427) ngày 21/06/2017 với tổng số tiền vay là: 65.000.000 đồng; Lãi suất cho vay trong hạn: 21.9%/năm áp dụng tính lãi tại Hợp đồng với 1 năm là 360 ngày, mức lãi suất quy đổi trên cơ sở một năm 365 ngày là: 22,2%/năm; mức lãi suất này áp dụng cố định trong 1 tháng từ ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh định kỳ 01tháng/01 lần kể từ ngày 21/07/2017, mức điều chỉnh bằng Lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chirh lãi suất là 1 tháng (+) biên độ 14.5%/năm.

Thời hạn trả nợ:

+ Nợ gốc: Nợ gốc trả theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 10/07/2017, tổng cộng có 12 kỳ. Số tiền gốc bên vay phải trả mỗi kỳ là: 5.420.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 5.380.000 đồng.

+ Nợ lãi: Nợ lãi trả theo định kỳ 01 tháng/1lần vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 10/07/2017.

*****Tài sản bảo đảm cho toàn bộ khoản vay nêu trên là toàn bộ tài sản của bà Hà Thị Minh H và ông Trần Bình M bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa bên được bảo lãnh và Bên ngân hàng bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan: Hợp đồng bảo lãnh số 130617-3337259-02-SME/HĐBL ngày 14/06/2017, Hợp đồng Bảo lãnh số 130617-3337259-01-SME/HĐBL ngày 14/06/2017.

* Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc không có tài sản bảo đảm ngày 14/06/2017 Công ty T vay của VBank với số tiền vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); thời hạn vay: 60 tháng (sáu mươi tháng); Loại thẻ: Master Card – Business Credit. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay trong hạn: Quy định trong khế ước nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, phần giá trị thanh toán tối thiểu chưa thanh toán sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng. Số dư còn lại vẫn được tính lãi theo mức lãi suất trong hạn đang áp dụng. Sau 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán mà không thanh toán đủ trị giá thanh toán tối thiểu toàn bộ dư nợ của khách hàng sẽ bị tính lãi quá hạn bằng

150% lãi suất quá hạn đang áp dụng. Ngoài khoản lãi quá hạn, khách hàng phải thanh toán khoản phí chậm trả.

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Theo Hợp đồng Bảo lãnh số 140617-3337259-02-SME/HĐBL ngày 14/06/2017 và Hợp đồng Bảo lãnh số 140617-3337259-01-SME/HĐBL ngày 14/06/2017, bà Hà Thị Minh H và ông Trần Bình M đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14/06/2017 và các Hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Bên được bảo lãnh và Bên Ngân Hàng bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

***** Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14/06/2017; Công ty T mới trả được cho Ngân hàng VBank tổng cộng là 398.992.643 đồng và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng VBank đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 04/8/2013 và phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận. Ngân hàng VBank đã nhiều lần đôn đốc và tạo điều kiện cho Công ty T thanh toán các khoản nợ nhưng không có hiệu quả.

Ngày 24/05/2018, sau khi thỏa thuận với khách hàng về việc: Ngân hàng VBank đồng ý cho khách hàng nộp 600.000.000đồng để thanh toán dần khoản nợ và giải chấp tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, BKS: 30E-905.38 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH SX-XNK T theo Giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô số 358934 do Công an Thành phố H cấp ngày 19/01/2017. Cùng ngày, Công ty Thịnh Phát đã nộp 600.000.000đồng và Ngân hàng VBank đã hạch toán thu hồi nợ và giải chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, BKS: 30E-905.38. Nay tài sản này không còn là tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty T tại Ngân hàng VBank. Ngân hàng không có yêu cầu xử lý đối với tài sản này trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng này đối với Công ty T.

Đề nghị Tòa án xét xử buộc Công ty T phải thanh toán cho Ngân hàng VBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 27/02/2019 là 820.707.334 đồng. Trong đó, nợ gốc: 526.375.653 đồng; nợ lãi: 294.331.681 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ đã ký và các Hợp đồng khác có liên quan cho đến ngày Công ty T thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng VBank.

Đề nghị Tòa án tuyên: Ngân hàng VBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền yêu cầu ông Trần Bình M và bà Hà Thị Minh H thực hiện các cam kết bảo lãnh như đã ký kết với Ngân hàng VBank để thu hồi khoản nợ cho đến khi Công ty T thanh toán hết nợ cho VBank theo thỏa thuận trong: Hợp đồng bảo lãnh số 130617-3337259-02-SME/HĐBL ngày 14/06/2017, Hợp đồng bảo lãnh số 130617-3337259-01-SME/HĐBL ngày 14/06/2017, Hợp đồng bảo lãnh số

140617-3337259-02-SME/HĐBL ngày 14/06/2017 và Hợp đồng bảo lãnh số 140617-3337259-01-SME/HĐBL ngày 14/06/2017.

*** Bị đơn -** Công ty TNHH Sản Xuất – XNK T do ông Trần Bình M – giám đốc trình bày: Công ty T là khách hàng của Ngân hàng VBank. Hiện Công ty T không còn trụ sở hoạt động tại địa chỉ số 3, phố Q, phường Q, quận B, thành phố H theo đăng ký kinh doanh nữa nhưng vẫn có báo cáo thuế với cơ quan thuế. Công ty không có ý kiến gì về nội dung các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng VBank; nội dung như Ngân hàng trình bày là đúng, không có ý kiến tranh chấp gì. Cụ thể:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 200117-3337259-01-SME ngày 23/01/2017 Ngân hàng cho Công ty TNHH Sản xuất – XNK T vay với tổng số tiền 520.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 200117-3337259-01-SME ngày 23/01/2017:

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, BKS: 30E-905.38 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH SX-XNK T theo Giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô số 358934 do Công an Thành phố H cấp ngày 19/01/2017, xác lập thế chấp tại VBank theo Hợp đồng thế chấp số 200117-3337259-01-SME/TC ngày 23/01/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên thì Công ty T đã trả cho Ngân hàng vào ngày 24/05/2018, số tiền 600.000.000đồng để thanh toán dần khoản nợ của Công ty T tại Ngân hàng và giải chấp tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, BKS: 30E-905.38 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH SX-XNK T theo Giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô số 358934 do Công an Thành phố H cấp ngày 19/01/2017. Do vậy, tài sản này không còn là tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH SX-XNK T tại VBank nữa.

Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số 1306177-3337259-01-SME ngày 14/06/2017 Công ty T vay của VBank với tổng số tiền 948.500.000 đồng, nội dung hợp đồng:

Hạn mức cho vay: 948.500.000 đồng

Lần 1: Khế ước nhận nợ số 140617-3337259-01-SME ngày 14/06/2017: Số tiền nhận nợ: 878,762,446 đồng.

Lần 2: Khế ước nhận nợ số 210617-3337259-01-SME ngày 21/06/2017: Số tiền nhận nợ: 65,000,000 đồng.

Biện pháp bảo đảm tiền vay: Theo Hợp đồng Bảo lãnh số 130617-3337259-02-SME/HĐBL ngày 14/06/2017 và Hợp đồng Bảo lãnh số 130617-3337259-01-SME/HĐBL ngày 14/06/2017, bà Hà Thị Minh H và ông Trần Bình M đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty Ttrong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14/06/2017.

Tại thời điểm ký bảo lãnh thì đây chỉ là tín chấp ký kết với Ngân hàng. Hiện ông và vợ là chị Hà Thị Minh H đã ly hôn theo Quyết định số 511/2018/QĐ ngày của Toà án nhân dân quận H.

Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc không có tài sản bảo đảm ngày 14/06/2017 Công ty T vay của VBank với số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Số tiền vay: 50.000.000 đồng.

Như vậy, Công ty T xác nhận số tiền còn nợ Ngân hàng VBank tạm tính đến ngày 13/06/2019 như Ngân hàng trình bày, toàn bộ khoản tiền này là: 874.043.939 đồng (trong đó nợ gốc: 526,375,653 đồng; nợ lãi: 347.668.286 đồng).

Do Công ty T hoạt động kinh doanh khó khăn nên chưa trả được khoản nợ cho Ngân hàng. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho doanh nghiệp thêm thời gian trả nợ cụ thể bằng văn bản gửi cho Ngân hàng và Toà án.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan -** bà Hà Thị Minh H ngày 02/10/2019 có mặt tại Tòa án lấy lời khai, tuy nhiên sau khi lập biên bản bà H đã được đọc lại toàn bộ nội dung sau đó bỏ về và không ký vào biên bản làm việc tại Tòa án.

Tại phiên toà:

*Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn - ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Ngân hàng VBank xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi là 50,966,421 đồng tính đến ngày 14/01/2020.

Ngân hàng VBank giữ nguyên quan điểm khởi kiện, yêu cầu bị đơn – Công ty T phải thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 200117-3337259-01-SME ngày 23/01/2017 kèm Khế ước nhận nợ số 200117-3337259-01-SME (LD 1702300803) ngày 23/01/2017; Hợp đồng cho vay hạn mức số 1306177-3337259-01-SME ngày 14/06/2017; Khế ước nhận nợ số 140617-3337259-01-SME (LD 1716501296) ngày 14/06/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 130617 - 3337259-01-SME ngày 14/6/2017); Khế ước nhận nợ số 210617-3337259-01-SME (LD 1717200427) ngày 21/06/2017 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14/6/2017 (193-C-116981).

Tổng dư nợ theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 14/01/2020: **953.850.305 đồng*(Chín trăm năm mươi ba triệu, tám trăm năm mươi nghìn, ba trăm linh năm đồng)***. Trong đó: Nợ gốc: **526.375.653 đồng**. Nợ lãi: 427.474.652 **đồng** (Lãi trong hạn tính đến thời điểm **24/11/2017**; sau đó chuyển sang lãi quá hạn).

Cụ thể:

STT	Số HĐTD	Ngày vay	Gốc phải trả	Lãi phải trả	Tổng gốc + lãi
1	LD1702300803	23/01/2017		32,329,455	32,329,455
2	LD1716501296	14/06/2017	434,369,962	339,419,306	773,789,268
3	LD1717200427	21/06/2017	43,320,000	31,456,089	74,776,089
4	193-C-116981	19/6/2017	48,685,691	24,269,803	72,955,494
Tổng cộng			**526,375,653**	**427,474,652**	**953.850.305**

Và toàn bộ lãi phát sinh từ cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- VBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền yêu cầu ông Trần Bình M và bà Hà Thị Minh H thực hiện các cam kết bảo lãnh như đã ký kết

với VBank để thu hồi khoản nợ cho đến khi Công ty T thanh toán hết nợ cho VBank theo thảo thuận trong: Hợp đồng bảo lãnh số 130617-3337259-02-SME/HĐBL ngày 14/06/2017, Hợp đồng bảo lãnh số 130617-3337259-01-SME/HĐBL ngày 14/06/2017, Hợp đồng bảo lãnh số 140617-3337259-02-SME/HĐBL ngày 14/06/2017 và Hợp đồng bảo lãnh số 140617-3337259-01-SME/HĐBL ngày 14/06/2017.

**** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*** Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách đương sự, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định; về thời hạn chuẩn bị xét xử ; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

§-îc nhËn th«ng b¸o, quyÕt ®Þnh vµ c¸c v¨n b¶n do Tßa ¸n gi¶i quyÕt trong qu¸ tr×nh chuÈn bÞ xÐt xö theo ®óng quy ®Þnh, ®-îc quyÒn xem, sao lôc c¸c tµi liÖu do Tßa ¸n thu thËp còng nh- do c¸c bªn ®-¬ng sù cung cÊp, ®-îc quyÒn ph¸t biÓu, hái vµ tranh luËn t¹i phiªn tßa.

§èi víi c¸c ®-¬ng sù v¾ng mÆt t¹i phiªn tßa ®Òu ®· ®-îc tèng ®¹t niêm yết hîp lÖ vÒ phiªn tßa nªn viÖc Tßa ¸n xÐt xö v¾ng mÆt hä lµ ®óng quy ®Þnh t¹i §iÒu 72, Điều73, §iÒu 234 Bé luËt tè tông d©n sù năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty T thanh toán cho Ngân hàng VBank theo các hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm theo số nợ gốc: 526.375.653 đồng; nợ lãi theo quy định của pháp luật và buộc ông Trần Bình M và bà Hà Thị Minh H thực hiện nghĩa vụ theo các Hợp đồng bảo lãnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết qủa tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp hợp đồng tín dụng xảy ra giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty TNHH Sản xuất - XNK T là tranh chấp giữa hai doanh nghiệp cùng có tư cách pháp nhân có mục đích lợi nhuận nên xác định tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về thẩm quyền xét xử vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 của Điều 30, khoản 1 Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn – Công ty TNHH Sản xuất - XNK T có trụ sở tại số 3, phố Q, phường Q,quận B, thành phố H. Do vậy, Tòa án nhân dân quận B thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3]Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 16/04/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần V có đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân Quận B trong thời hạn quy định của pháp luật, nên xác định còn thời hiệu khởi kiện và được Tòa án chấp nhận thụ lý giải quyết.

[4] Về tố tụng:

Toà án đã tống đạt hợp lệ, niêm yết giấy triệu tập đến phiên toà lần thứ 2 cho bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn - Công ty TNHH Sản xuất - XNK T do ông Trần Bình M là người đại diện theo pháp luật đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bà Hà Thị Minh H vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

5.1. Xét các Hợp đồng tín dụng số 200117-3337259-01-SME ngày 23/01/2017 kèm Khế ước nhận nợ số 200117-3337259-01-SME (LD 1702300803) ngày 23/01/2017; Hợp đồng cho vay hạn mức số 1306177-3337259-01-SME ngày 14/06/2017; Khế ước nhận nợ số 140617-3337259-01-SME (LD 1716501296) ngày 14/06/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 130617 - 3337259-01-SME ngày 14/6/2017); Khế ước nhận nợ số 210617-3337259-01-SME (LD 1717200427) ngày 21/06/2017 đã ký kết giữa Ngân hàng VBank với Công ty T về hình thức đều do bà Bùi Thị Thu T – Phó giám đốc Ngân hàng VBank – Chi nhánh T - Phòng giao dịch Q đại diện theo uỷ quyền (bên cho vay) ký kết với ông Trần Bình M –Giám đốc Công ty T(bên vay) được lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của bên cho vay và bên vay. Về nội dung của hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ được ký kết với sự tự nguyện thỏa thuận của 02 bên liên quan đến khoản tiền cho vay, lãi suất tiền vay, lãi suất nợ quá hạn, tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay, quyền và nghĩa vụ các bên trong việc thực hiện hợp đồng. Như vậy, hình thức và nội dung tho¶ thuËn cña c¸c bªn trong hợp ®ồng tín dụng trên lµ hoµn toµn tù nguyÖn, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Các thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng các Khế ước nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng VBank và Công ty T phù hợp với quy định cuả pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Sau khi nhận số tiền vay, Công ty T đã không trả nợ theo cam kết; Do đó, ngân hàng VBank chuyển sang nợ quá hạn là có cơ sở pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu

cầu của nguyên đơn, buộc Công ty T phải trả các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 200117-3337259-01-SME ngày 23/01/2017 kèm Khế ước nhận nợ số 200117-3337259-01-SME (LD 1702300803) ngày 23/01/2017; Hợp đồng cho vay hạn mức số 1306177-3337259-01-SME ngày 14/06/2017; Khế ước nhận nợ số 140617-3337259-01-SME (LD 1716501296) ngày 14/06/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 130617 - 3337259-01-SME ngày 14/6/2017); Khế ước nhận nợ số 210617-3337259-01-SME (LD 1717200427) ngày 21/06/2017.

Cụ thể:

STT	Số HĐTD	Ngày vay	Gốc phải trả	Lãi phải trả	Tổng gốc + lãi
1	LD1702300803	23/01/2017		32,329,455	32,329,455
2	LD1716501296	14/06/2017	434,369,962	339,419,306	773,789,268
3	LD1717200427	21/06/2017	43,320,000	31,456,089	74,776,089
Tổng cộng			**477,689,962**	**403,204,850**	**880,894,812**

5.2. Xét Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14/06/2017.

Căn cứ giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14/06/2017. Ngân hàng VBank chấp nhận yêu cầu của Công ty T vay số tiền 50.000.000 đồng và phát hành thẻ tín dụng quốc tế Master Card - Business Credit (193-C-116981) cho 02 loại thẻ: 01 thẻ chính với hạn mức tín dụng 25.000.000đồng và 01 thẻ phụ với hạn mức tín dụng 25.000.000đồng.

Căn cứ các điều khoản, điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ quốc tế quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ theo cam kết trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14/06/2017 về việc thanh toán toàn bộ, đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng các giao dịch chi tiêu, về phí và lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng. Do Công Ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ do sử dụng 02 thẻ tài khoản thẻ tín dụng quốc tế nêu trên quy đinh tại Điều 5, 9 về việc cam kết của khách hàng nên Ngân hàng yêu cầu Công ty T trả số tiền 72.955.494 đồng tính đến ngày 14/01/2020, (trong đó nợ gốc: 48.685.691 đồng, nợ lãi và phí: 24.269.803 đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng toàn bộ dư nợ của Công Ty T tính đến ngày 14/01/2020: **953.850.305 đồng** ***(Chín trăm năm mươi ba triệu, tám trăm năm mươi nghìn, ba trăm linh năm đồng)***. Trong đó: Nợ gốc: 526.375.653 đồng. Nợ lãi: 427.474.652 **đồng**.

Công ty T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

[6] Ngày 24/05/2018, Công ty T đã nộp số tiền 600.000.000đồng để thanh toán khoản nợ của tại Ngân hàng và giải chấp tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, BKS: 30E-905.38 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH SX-XNK T theo Giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô số 358934 do Công an Thành phố H cấp ngày 19/01/2017. Ngân hàng VBank cho rằng tài sản này không còn bảo đảm cho

khoản vay của Công ty TNHH SX-XNK T tại VBank nữa nên không yêu cầu giải quyết về tài sản thế chấp này trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét các cam kết bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh số 130617-3337259-02-SME/HĐBL ngày 14/06/2017, Hợp đồng bảo lãnh số 130617-3337259-01-SME/HĐBL ngày 14/06/2017, Hợp đồng bảo lãnh số 140617-3337259-02-SME/HĐBL ngày 14/06/2017 và Hợp đồng bảo lãnh số 140617-3337259-01-SME/HĐBL ngày 14/06/2017 được ông Trần Bình M và vợ là bà Hà Thị Minh H ký kết với Ngân hàng VBank là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật về bảo lãnh. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VBank nên trong giai đoạn thi hành án công ty T không thi hành án hoặc thi hành không đúng nghĩa vụ trả nợ còn thiếu cho VBank thì buộc ông Trần Bình M và bà Hà Thị Minh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho công ty Thịnh Phát cho VBank theo các Hợp đồng bảo lãnh.

[8] Đối với việc nguyên đơn xin rút yêu cầu Tòa án buộc Công ty T phải thanh toán cho VBank tiền phạt chậm trả lãi tính theo các Hợp đồng tín dụng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn cũng phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]Về án phí: BÞ ®¬n - Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền nợ phải thanh toán trả nguyên đơn là 40.615.509đồng.

Nguyên đơn: Ngân hàng VBank không phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch đối với yêu cầu được Tòa án chấp nhận nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 18.000.000 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Luận cứ và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- ĐiÒu 342, 343, 348, 349, 355, 471, 474 Bé luËt d©n sù năm 2005;
- Điều 688 Bộ Luật Dân sự 2015;
- khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 235; Điều 271; Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;
- Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;
- Điều 2, 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008(sửa đổi bổ sung năm 2014).

- Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp quy định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2007/QĐ - NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

- Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNNngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Kho¶n 2 §iÒu 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xö:

I. Chấp nhËn yªu cÇu khëi kiÖn cña Ngân hàng TMCP V (VBank) về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với Công ty TNHH Sản xuất - XNK T.

II. Buộc Công ty TNHH Sản xuất - XNK T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V toµn bé sè tiÒn nî gèc vµ l·i vay trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 200117-3337259-01-SME ngày 23/01/2017 và Khế ước nhận nợ số 200117-3337259-01-SME ngày 23/01/2017; Hợp đồng cho vay hạn mức số 1306177-3337259-01-SME ngày 14/06/2017; Khế ước nhận nợ số 140617-3337259-01-SME ngày 14/06/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 130617 - 3337259-01-SME ngày 14/6/2017); Khế ước nhận nợ số 210617-3337259-01-SME ngày 21/06/2017 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14/6/2017. Tổng dư nợ tính đến ngày 14/01/2020 là **953.850.305 đồng*(Chín trăm năm mươi ba triệu, tám trăm năm mươi nghìn, ba trăm linh năm đồng)***. Trong đó: Nợ gốc: **526.375.653 đồng**. Nợ lãi: 427.474.652 **đồng.**

Cụ thể:

STT	Số HĐTD	Ngày vay	Gốc phải trả	Lãi phải trả	Tổng gốc + lãi
1	LD1702300803	23/01/2017		32,329,455	32,329,455
2	LD1716501296	14/06/2017	434,369,962	339,419,306	773,789,268
3	LD1717200427	21/06/2017	43,320,000	31,456,089	74,776,089
4	193-C-116981	19/6/2017	48,685,691	24,269,803	72,955,494
Tổng cộng			**526,375,653**	**427,474,652**	**953.850.305**

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng trên tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

III. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, trường hợp Công ty TNHH Sản xuất - XNK T không trả được nợ, buộc ông Trần Bình M và bà Hà Thị Minh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng bảo lãnh số 130617-3337259-02-SME/HĐBL ngày 14/06/2017, Hợp đồng bảo lãnh số 130617-3337259-01-SME/HĐBL ngày 14/06/2017, Hợp đồng bảo lãnh số 140617-3337259-02-SME/HĐBL ngày

14/06/2017 và Hợp đồng bảo lãnh số 140617-3337259-01-SME/HĐBL ngày 14/06/2017.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

IV. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Sản xuất - XNK T phải chịu **40.615.509đồng *(bốn mươi triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, năm trăm linh chín đồng)***tiền án phí sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP V được trả lại số tiền tạm ứng án phí là: **18.000.000 đồng *(Mười tám triệu đồng chẵn)***đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005412 nộp ngày 24/04/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

V. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn - Công ty TNHH Sản xuất - XNK T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Trần Bình M và bà Hà Thị Minh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận B;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hoài Phương

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán chủ toạ phiên toà**